

SITUATION OF THE WORKPLACE AT HANDICRAFTS PRODUCTION COMPANIES IN TRANG BOM INDUSTRIAL PARK, DONG NAI PROVINCE

Dang Ngoc Chanh¹, Dang Van Chinh¹, Phan Cong Kha^{1*},
Nguyen Tran Bao Thanh¹, Ho Nguyen Thanh Thao²

¹ Institute of Public Health in Ho Chi Minh City-159 Hung Phu, Chanh Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

² Khanh Hoa Oncology Hospital- No. 229 Nguyen Khuyen Street, Bac Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam

Received: 30/09/2025

Revised: 03/10/2025; Accepted: 17/11/2025

ABSTRACT

Objective: Assess the current status of the workplace and assess the provision and use of personal protective equipment (PPE) of worker at some wood handicraft manufacturing companies in industrial parks and indust parks and industrial clusters in Trang Bom district, Dong Nai province.

Research method: Research design: Descriptive cross-sectional. Research location: The study was conducted at 3 wooden handicraft manufacturing companies in the industrial park of Trang Bom district, Dong Nai province.

Results: The working environment of the manufacturing company has factors such as wind speed, lighting intensity, noise, and dust weight that do not reach the permitted limit values according to regulations. In addition, the concentration of Acetone gas exceeds the limit value by 1.6 - 4.4 times and Methyl acetate gas by 4.9 - 6.6 times. Masks and noise-canceling plugs are two protective equipment provided to workers at all production stages.

Conclusion: The working environment at wood craft production facilities has risk factors such as substandard wind speed and lighting; high noise; excessive dust and organic solvents; along with inadequate use of labor protection. Therefore, it is necessary to find solutions to improve working conditions, strengthen management and raise awareness of workers to ensure a safe and sustainable working environment.

Keywords: Wood craft production, workplace.

*Corresponding author

Email: phankha1301@gmail.com Phone: (+84) 987112585 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3819>

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG TẠI CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT GỖ MỸ NGHỆ THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Đặng Ngọc Chánh¹, Đặng Văn Chính¹, Phan Công Khá¹,
Nguyễn Trần Bảo Thanh¹, Hồ Nguyễn Thanh Thảo²

¹ Viện Y tế công cộng Thành Phố Hồ Chí Minh-159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

² Bệnh viện Ung bướu Khánh Hòa- Số 229 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ngày nhận bài: 30/09/2025

Ngày chỉnh sửa: 03/10/2025; Ngày duyệt đăng: 17/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá hiện trạng về môi trường lao động (MTLD) và đánh giá việc cung cấp, sử dụng bảo hộ lao động cá nhân của người lao động (NLĐ) tại một số công ty sản xuất gỗ mỹ nghệ trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang mô tả. Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại 3 công ty sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ thuộc khu công nghiệp huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Kết quả nghiên cứu: Môi trường lao động của công ty sản xuất xuất có yếu tố tốc độ gió, cường độ chiếu sáng, tiếng ồn, bụi trọng trọng lượng không đạt giá trị giới hạn cho phép theo quy định. Bên cạnh đó, nồng độ khí Aceton vượt giá trị giới hạn từ 1,6 – 4,4 lần và khí Methyl acetat từ 4,9 – 6,6 lần. Khẩu trang và nút chống ồn là hai phương tiện bảo hộ được cung cấp cho NLĐ ở tất cả các công đoạn sản xuất.

Kết luận: MTLD tại các cơ sở sản xuất gỗ mỹ nghệ có các yếu tố nguy cơ như tốc độ gió và chiếu sáng không đạt chuẩn; tiếng ồn cao; bụi và dung môi hữu cơ vượt ngưỡng; cùng với việc sử dụng bảo hộ lao động chưa đầy đủ. Do đó, đòi hỏi cần có giải pháp cải thiện điều kiện làm việc, tăng cường quản lý và nâng cao ý thức của người lao động nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn và bền vững.

Từ khóa: Sản xuất gỗ mỹ nghệ, môi trường lao động.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản phẩm gỗ mỹ nghệ là một mặt hàng truyền thống lâu đời của nước ta. Theo thống kê, trên cả nước hiện có 5.650 doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản, trong đó có 4.550 doanh nghiệp chế biến sản phẩm đồ gỗ và tham gia xuất khẩu là 2.392 doanh nghiệp [1]. Các doanh nghiệp Việt Nam đã xuất khẩu đồ gỗ trực tiếp đến hơn 120 quốc gia và vùng lãnh thổ, đứng đầu khu vực Đông Nam Á, đứng thứ hai khu vực châu Á và thứ năm trên thị trường đồ gỗ thế giới. Theo số

liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tháng 9 năm 2020 tiếp tục được duy trì ở mức cao, đạt 1,146 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ trong 9 tháng năm 2020 đạt 8,48 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2019 [4]. Ngành chế biến gỗ và nội thất đã được Chính phủ xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam với mục tiêu xuất khẩu đạt 20 tỷ USD vào năm 2025 [5].

*Tác giả liên hệ

Email: phankha1301@gmail.com Điện thoại: (+84) 987112585 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3819>

Đồng Nai là một trong hai địa phương tập trung nhiều doanh nghiệp chế biến sản phẩm từ gỗ và xuất khẩu gỗ mạnh nhất cả nước với hơn 1.000 doanh nghiệp, thu hút 50 - 60 ngàn lao động, tập trung chủ yếu ở thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom và huyện Vĩnh Cửu [6]. Năm 2019, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức Chiến dịch thanh tra với chủ đề “Tuân thủ pháp luật lao động để phát triển bền vững ngành chế biến gỗ” ở cả 63 tỉnh/thành, trong đó tập trung chủ yếu ở ba địa phương trọng điểm là TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai. Kết quả có hơn 70% doanh nghiệp ngành gỗ trên địa bàn tỉnh có sai phạm trong lĩnh vực lao động. Tổ chức làm thêm giờ vượt quá quy định cho phép, không thực hiện quan trắc MTLĐ, chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ là những sai phạm chủ yếu mà nhiều doanh nghiệp chuyên ngành gỗ mắc phải. Đa phần NLĐ làm việc trong ngành gỗ đến từ khu vực nông thôn, có trình độ văn hóa thấp nên chấp nhận làm việc mà không qua ký kết hợp đồng lao động với chủ doanh nghiệp, chấp nhận làm việc trong môi trường không đảm bảo an toàn và chấp nhận làm thêm giờ để kiếm thêm thu nhập. Về phía người sử dụng lao động (NSDLĐ) do áp lực từ đơn hàng, với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận hay việc tuyển dụng lao động gặp khó khăn nên nhiều chủ doanh nghiệp dù nắm rõ luật vẫn cố tình sai phạm. Bên cạnh đó, lực lượng cán bộ làm công tác thanh, kiểm tra còn mỏng, mức xử phạt các doanh nghiệp vi phạm còn thấp, chưa đủ tính răn đe.

Sản xuất gỗ mỹ nghệ được xếp vào nhóm ngành nghề có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, những hệ lụy về ô nhiễm môi trường và sức khỏe của NLĐ do ngành nghề này tạo ra là không nhỏ đặc biệt là dưới tác động của bụi gỗ, bụi sơn, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm do hơi các dung môi hữu cơ. Việc vi phạm pháp luật lao động trong ngành chế biến các sản phẩm gỗ không những ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của NLĐ mà còn làm giảm năng suất lao động, giảm tính cạnh tranh ở cả thị trường trong nước và trên thế giới.

Nghiên cứu này của chúng tôi thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng về MTLĐ và việc thực hiện các biện pháp cải thiện điều kiện lao động cho NLĐ tại các công ty sản xuất gỗ mỹ nghệ trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau: (1)Đánh giá hiện trạng về MTLĐ về các yếu tố vi khí hậu, yếu tố vật lý, yếu tố bụi và yếu tố hóa học tại các công ty sản xuất gỗ mỹ nghệ

trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, (2)Đánh giá việc cung cấp và sử dụng bảo hộ lao động cá nhân của NLĐ và (3) Đề xuất các biện pháp nhằm cải thiện MTLĐ, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho NLĐ.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành từ tháng 4/2020 đến tháng 12/2020 tại một số công ty sản xuất gỗ mỹ nghệ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Yếu tố môi trường lao động (yếu tố vật lý, yếu tố bụi, yếu tố hóa học) tại 3 công ty sản xuất gỗ mỹ nghệ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tiêu chuẩn lựa chọn: các công ty đang hoạt động bình thường và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: công ty không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Lập danh sách các công ty trong khu công nghiệp theo nhóm: <300 người; từ 300 - 1000 người và >1000 người. Chọn ngẫu nhiên mỗi nhóm 1 công ty để khảo sát.

2.5 Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu tiến hành quan sát thực tế và đo đạc MTLĐ tại một số công đoạn sản xuất.

Tại khu vực sản xuất gỗ, thực hiện đo đạc các yếu tố vật lý (vi khí hậu, cường độ chiếu sáng, cường độ tiếng ồn, rung), Bụi toàn phần, yếu tố hóa học (hơi khí độc: Xylen, Toluene, Methyl acetat, Aceton, Formaldehyde, Methanol).

Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích được mô tả chi tiết ở bảng 1. Trong đó, các yếu tố vật lý được đo đạc bằng thiết bị điện tử hiện số tại hiện trường. Đối với yếu tố bụi và yếu tố hóa học được thực hiện bằng cách sử dụng giấy lọc và các ống than chuyên dụng để hấp thụ các hơi khí độc và vận chuyển mẫu thu thập đến phòng thí nghiệm. Tất cả các mẫu không khí môi trường lao động tại khu vực nghiên cứu được phân tích tại phòng thí nghiệm của Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 1. Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích các thông số quan trắc môi trường lao động

Stt	Tên thông số quan trắc	Phương pháp thực hiện	Tiêu chuẩn đánh giá kết quả
Yếu tố vật lý			
1	Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)	TCVN 5508:2009	QCVN 26:2016/BYT
2	Ánh sáng	ISO 8995-1:2002 (TCVN 7114-1:2008)	QCVN 22:2016/BYT
3	Rung	TCVN 5127-1990 (TCVN 6964-1:2001)	QCVN 27:2016/BYT
4	Tiếng ồn	TCVN 3985-1999	QCVN 24:2016/BYT
Yếu tố bụi			
5	Bụi trọng lượng	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 02:2019/BYT
Yếu tố hóa học (Hơi khí độc)			
6	Toluen	Ref. NIOSH 1501	QCVN 03:2019/BYT
7	Methyl acetat	Ref. MDSH 88	QCVN 03:2019/BYT
8	Xylen	Ref. NIOSH 1501	QCVN 03:2019/BYT
9	Methanol	Ref. MDHS 96, NIOSH 2000	QCVN 03:2019/BYT
10	Aceton	Ref. MDSH 88	QCVN 03:2019/BYT
11	Formaldehyde	NIOSH 2016	QCVN 03:2019/BYT

Tùy vào quy mô của công ty mà mỗi công đoạn sản xuất sẽ bao gồm từ một đến nhiều xưởng sản xuất, trong đó các xưởng thực hiện công việc như nhau và việc trang bị trang thiết bị, máy móc cũng như nhân công là đồng nhất, vì vậy đối với công đoạn sản xuất có nhiều xưởng thì nghiên cứu sẽ chọn ngẫu nhiên một xưởng. Tại mỗi xưởng sản xuất sẽ chia ra nhiều khu vực đảm trách các hoạt động khác nhau, các

công đoạn chính bao gồm: **Tạo hình sản phẩm → Gia công sản phẩm → Hoàn thiện**. Trong mỗi công đoạn sẽ bao gồm nhiều chuyền hoặc nhiều khu vực nhỏ thực hiện công việc như nhau, do đó việc đo đạc MTLĐ tại một khu vực trong xưởng sản xuất sẽ được thực hiện ngẫu nhiên tại một chuyền hoặc một khu vực nhỏ.

Bảng 2. Các công đoạn chính trong sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ

Công đoạn	Công việc	Thông số khảo sát
Tạo hình sản phẩm	Cắt, xẻ, bào, làm sạch, ghép hoa...	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, rung, tiếng ồn và bụi trọng lượng
Gia công sản phẩm	Chà nhám, khoan lỗ, gia công...	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, tiếng ồn, bụi trọng lượng và dung môi hữu cơ (Toluen, Methyl acetat, Xylen, Methanol, Aceton và Formaldehyde).

Công đoạn	Công việc	Thông số khảo sát
Hoàn thiện sản phẩm	Phun sơn, đánh vecni, lắp ráp, đóng gói	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, tiếng ồn, bụi trọng lượng và dung môi hữu cơ (Toluen, Methyl acetat, Xylen, Methanol, Aceton và Formaldehyde).

2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Đối các thông số về MTLĐ sẽ được nhập và tính toán bằng phần mềm Excel sau đó đánh giá dựa theo các quy chuẩn hiện hành.

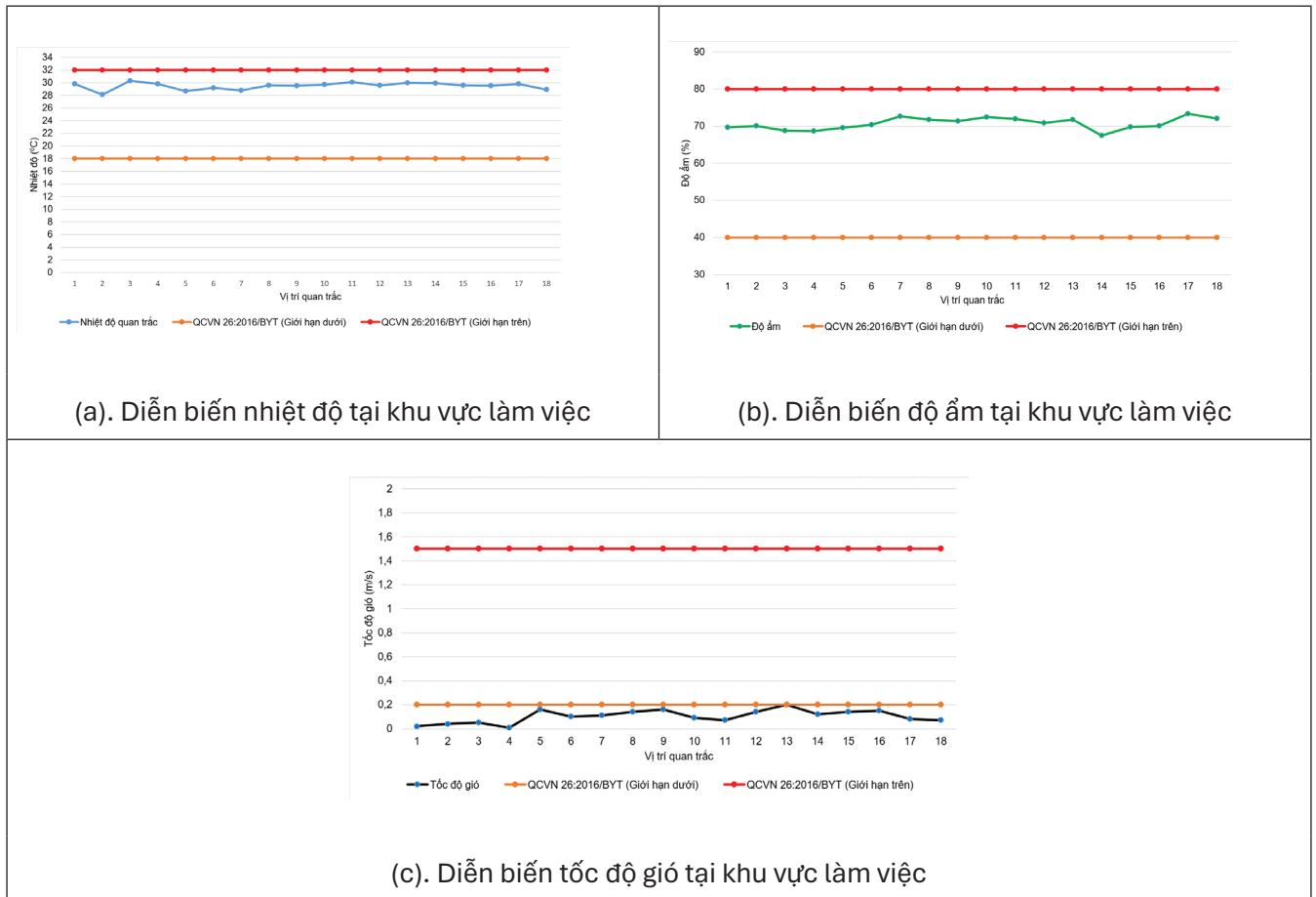
Bộ câu hỏi phỏng vấn về việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATVSLĐ sau khi thu thập sẽ được

kiểm tra lại tính đầy đủ sau đó được mã hóa, nhập và xử lý bằng phần mềm Excel.

2.7. Đạo đức trong nghiên cứu

Mọi số liệu thu được chỉ phục vụ cho công tác nghiên cứu, không sử dụng cho mục đích khác.

3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN



Hình 1. Đánh giá yếu tố vi khí hậu tại khu vực làm việc

Tại các vị trí khảo sát nhiệt độ khu vực làm việc dao động từ 26,5 – 30,3 0C (trung bình là 28,3 0C) và độ ẩm từ 67,5 – 73,4% (trung bình là 70,8%), đạt giá trị giới hạn cho phép của QCVN 26:2016/BYT do Bộ Y tế ban hành. Đối với tốc độ gió thì có đến 17/18 mẫu kết quả thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép (0,2 - 1,5

m/s), tốc độ gió trung bình là 0,1 m/s, thấp nhất là 0,01 m/s và cao nhất là 0,2 m/s. Việc luân chuyển không khí kém hiệu quả sẽ làm tăng nhiệt độ không khí, hạn chế tốc trao đổi khí, gây khó chịu và nguy cơ bệnh đường hô hấp cho NLĐ.

Bảng 3. Kết quả quan trắc cường độ chiếu sáng

Vị trí quan trắc	Giá trị giới hạn tối đa (QCVN 22:2016/BYT)	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt (Mẫu)	Tỷ lệ đạt (%)	Giá trị dao động (Min – Max)
Thao tác trên các máy gia công gỗ	500 Lux	04	01	5,6	192 – 505
Làm bàn mộc, gắn keo, lắp ghép	300 Lux	07	0	0,0	44 – 292
Khu vực sơn	750 Lux	07	0	0,0	60 – 681

Khu vực làm việc tại các vị trí quan trắc có cường độ chiếu sáng yếu, trong đó có 17 vị trí cường độ chiếu sáng chưa đáp ứng theo quy định của Bộ Y tế. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu về ngành gỗ mỹ nghệ (Võ Quang Đức và cộng sự, 2018), việc bố trí

đèn chiếu sáng chưa hợp lý, hệ thống đèn không được bảo trì, bị che khuất hoặc không bật khi làm việc, dẫn đến suy giảm chất lượng ánh sáng. Hệ quả là NLĐ dễ mệt mỏi, căng mắt, giảm năng suất lao động và nguy cơ tai nạn lao động tăng cao.

Bảng 4. Kết quả quan trắc độ ồn chung

Công đoạn sản xuất	Giá trị giới hạn tối đa (QCVN 24:2016/BYT)	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt (Mẫu)	Tỷ lệ đạt (%)	Giá trị dao động (Min – Max)
Gia công sản phẩm	85 dBA	02	0	0	92,6 – 93,6
Hoàn thiện sản phẩm		09	08	44,4	69,0 – 95,0

Tiếng ồn tiếp tục được xác định là yếu tố ô nhiễm đặc thù của ngành. Kết quả quan trắc cho thấy cường độ tiếng ồn ao động từ 69,0 – 95 dBA, đồng thời nhiều vị trí có cường độ tiếng ồn vượt 1,1 lần giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT (≤ 85 dBA), tương đồng với nghiên cứu tại làng nghề Đồng Ky, xã Đồng

Quang, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh và một số làng nghề ở Đồng bằng sông Hồng [8][9]. Điều này khẳng định mức ồn cao bắt nguồn từ nhiều máy móc hoạt động đồng thời trong không gian kín, thiếu biện pháp che chắn và bảo dưỡng.

Bảng 5. Khảo sát cường độ tiếng ồn theo dải tần Octave (Ốc ta) tại các vị trí lao động có cường độ tiếng ồn không đạt

Công đoạn sản xuất	Số vị trí không đạt theo dải ốc ta với tần số trung bình nhân				
	500 Hz	1.000 Hz	2.000 Hz	4.000 Hz	8.000 Hz
Giới hạn cho phép (QCVN 24:2016/BYT)	83 dBA	80 dBA	78 dBA	76 dBA	74 dBA
Tạo hình sản phẩm (n = 2)	0	02 (83 – 87)	02 (84 – 90)	02 (81 – 88)	01 (77)
Gia công sản phẩm (n = 7)	02 (84 – 89)	07 (81 – 93)	07 (81 – 96)	07 (78 – 94)	06 (76 – 90)
Hoàn thiện sản phẩm (n = 1)	0	01 (88)	0	0	0

Tại khu vực tạo hình và gia công sản phẩm, cường độ tiếng ồn dải tần Octa ở tần số từ 500 – 8.000 Hz đều cao hơn giá trị giới hạn của QCVN 24:2016/BYT, ngoại trừ tần số 500 Hz ở khu vực tạo hình sản phẩm.

Kết quả bảng 4, 5, 6 cho thấy, giải pháp kỹ thuật giảm thiểu tiếng ồn tại khu vực làm việc của người lao động vẫn là biện pháp căn bản hơn so với trang bị bảo hộ cá nhân.

Bảng 6. Kết quả quan trắc cường độ rung

Công đoạn sản xuất	Rung cục bộ		Rung toàn thân			
		Rung đứng		Rung ngang		
	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt
Tạo hình sản phẩm	02	02	02	02	02	02
Gia công sản phẩm	05	05	05	05	05	05

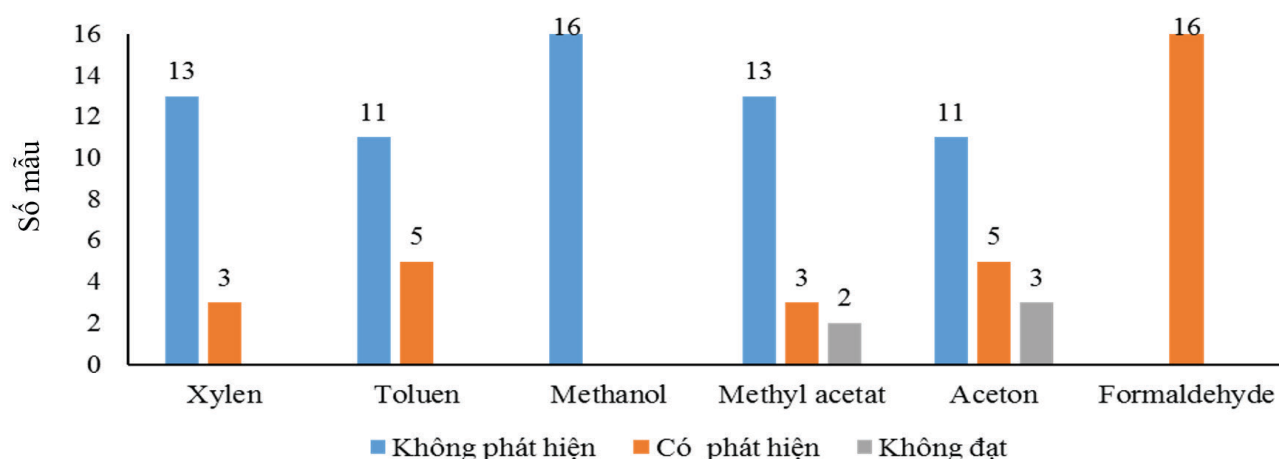
Tại các vị trí quan trắc, cường độ rung đạt giá trị giới hạn theo quy định của QCVN 27:2016/BYT do Bộ Y tế ban hành về rung cục bộ và rung toàn thân.

Bảng 7. Kết quả quan trắc nồng độ bụi trọng lượng

Công đoạn sản xuất	Giá trị giới hạn (QCVN 02:2019/BYT)	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt (Mẫu)	Tỷ lệ mẫu đạt (%)	Giá trị dao động (Min – Max)
Tạo hình sản phẩm	6,0 mg/m ³	02	02	100	0,38 – 0,44
Gia công sản phẩm		07	05	27,8	0,22 – 9,43
Hoàn thiện sản phẩm		09	09	100	0,10 – 1,58

Nồng độ bụi trọng lượng trong môi trường lao động tại các công đoạn sản xuất của công ty gỗ mỹ nghệ được khảo sát dao động từ 0,10 – 9,43 mg/m³. Trong đó, tại bộ phận chà nhám thuộc công đoạn gia công sản phẩm có nồng độ bụi trọng lượng dao động từ

7,25 – 9,43 mg/m³, vượt giá trị giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT từ 1,2 – 1,6 lần. Nồng độ bụi tại một số vị trí khảo sát phù hợp với nhận định trong các nghiên cứu trước đây về mối liên hệ giữa phơi nhiễm bụi gỗ và một số loại ung thư [10-12].



Hình 2. Biểu đồ mô tả kết quả quan trắc hơi khí độc tại các cơ sở sản xuất gỗ mỹ nghệ

Kết quả quan trắc cho thấy tại tất cả vị trí lao động có sự hiện diện của khí Formaldehyde với nồng độ dao động từ 0,01 – 0,06 mg/m³ và thấp hơn giá trị giới hạn của QCVN 03:2019/BYT do Bộ Y tế ban hành (giới hạn tiếp xúc tối đa là 0,5 mg/m³). Bên cạnh đó, nghiên cứu ghi nhận sự hiện diện của khí Xylen, Toluen, Methyl acetat, Aceton. Trong đó, tại công

đoạn gia công có 3 vị trí nồng độ khí Methyl acetat vượt giá trị giới hạn cho phép và khí Aceton là 2 vị trí – đây là vấn đề chưa được đề cập ở các nghiên cứu trước. Đây có thể là yếu tố nguy cơ dẫn đến các bệnh hô hấp và ngoài da đặc trưng ở ngành sản xuất gỗ mỹ nghệ [7].

Bảng 8. Danh mục bảo hộ lao động cá nhân được cung cấp và sử dụng

Công đoạn sản xuất	Người sử dụng lao động cung cấp	Người lao động sử dụng
Tạo hình sản phẩm	Khẩu trang thông thường, nút chống ồn, kính bảo hộ, găng tay chống cắt, tạp dề	Khẩu trang thông thường, nút chống ồn
Gia công sản phẩm	Khẩu trang thông thường, nút chống ồn, kính bảo hộ	Khẩu trang thông thường, nút chống ồn
Hoàn thiện sản phẩm	Khẩu trang chống độc, khẩu trang thông thường, nút chống ồn, găng tay, kính bảo hộ, tạp dề	Khẩu trang thông thường, găng tay

Việc cung cấp bảo hộ lao động cá nhân cho NLĐ được NSDLĐ cấp phát theo vào vị trí làm việc, ngoài khẩu trang và nút chống ồn là hai phương tiện bảo hộ được cung cấp cho NLĐ ở tất cả các công đoạn sản xuất thì NLĐ còn được cung cấp kính bảo hộ, găng tay chống cắt, tạp dề và khẩu trang chống độc. Tuy nhiên, do thói quen và tính chủ quan nên NLĐ chỉ sử dụng khẩu trang, nút chống ồn và găng tay. Điều này cho thấy NLĐ chưa tuân thủ việc sử dụng bảo hộ lao động để bảo vệ sức khỏe, đồng thời công tác kiểm tra, giám sát việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động chưa được NSDLĐ quản lý chặt chẽ.

4. KẾT LUẬN

Từ các kết quả trên, có thể thấy các yếu tố nguy cơ chính trong ngành sản xuất gỗ mỹ nghệ bao gồm: tốc độ gió và chiếu sáng không đạt chuẩn; tiếng ồn cao; bụi và dung môi hữu cơ vượt ngưỡng; cùng với việc sử dụng bảo hộ lao động chưa đầy đủ. Để bảo vệ sức khỏe NLĐ, cần kết hợp các biện pháp kỹ thuật (cải thiện thông gió, chiếu sáng, xử lý bụi và dung môi, giảm thiểu tiếng ồn) với biện pháp quản lý (trang bị bảo hộ lao động đạt chuẩn, tăng cường giám sát và nâng cao nhận thức của NLĐ).

Những kết quả trên khẳng định môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất gỗ mỹ nghệ còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ra bệnh nghề nghiệp, do đó đòi hỏi cần có giải pháp cải thiện điều kiện làm việc, tăng cường

quản lý và nâng cao ý thức của người lao động nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn và bền vững.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), Môi trường làng nghề Việt Nam, Báo cáo môi trường quốc gia 2008.
- [2] Cancer Council (2020), Wood products <https://www.cancer.org.au/cancer-information/causes-and-prevention/workplace-cancer/wood-products>, Ngày truy cập 10/6/2020.
- [3] Cơ quan ngôn luận của Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (2020), Tình hình xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tháng 9 năm 2020 <https://goviet.org.vn/bai-viet/tinh-hinh-xuat-nhap-khau-go-va-san-pham-go-cua-viet-nam-trong-thang-9-nam-2020-9195>, Ngày truy cập 06/11/2020.
- [4] Võ Quang Đức (2018), Thực trạng phơi nhiễm nghề nghiệp với Formaldehyde tại các công ty sản xuất gỗ các tỉnh Đông Nam Bộ Phân viện Khoa học An toàn vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường miền Trung.
- [5] Nguyễn Khắc Hoàn, Trần Hà Uyên Thi (2017), Thực trạng sản xuất của các cơ sở nghề và làng nghề truyền thống ở Hà Tĩnh, Tạp chí khoa học – Đại học Huế, 126 (5A), Trang 145-159.

- [6] MontserratAlonso-Sardón, Antonio-J. Chamorro, Ignacio Hernández-García Association between Occupational Exposure to Wood Dust and Cancer: A Systematic Review and Meta-Analysis.
- [7] National Cancer Institute (2018), Wood dust https://www.cancer.gov/about-cancer/causes-prevention/risk/substances/wood_dust#:~:text=Which%20cancers%20are%20associated%20with,directly%20estimated%20wood%20dust%20exposure., Ngày truy cập 10/6/2020
- [8] Tô Xuân Phúc, Đặng Việt Quang, Nguyễn Tôn Quyền, Cao Thị Cẩm (2018), Làng nghề gỗ trong bối cảnh hội nhập. Thực trạng và lựa chọn về chính sách để phát triển bền vững.
- [9] Viện Khoa học An toàn vệ sinh lao động thành phố Hồ Chí Minh (2019), Nhiều doanh nghiệp ngành gỗ sai phạm trong lĩnh vực lao động <http://soshi.vn/tin-tuc/nhieu-doanh-nghiep-nganh-go-sai-pham-trong-linh-vuc-lao-dong-162.html>, Ngày truy cập 05/11/2020.